

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST
Ngày 26/6/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ksor H’Đuen
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Ngọc Diệp
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020, về việc: “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Phùng Văn M, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Chị N có mặt. Anh M vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24/3/2020, các biên bản hòa giải không thành, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Phùng Văn M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2005 tại UBND thị trấn Phú Thiện, huyện AyunPa (nay là huyện Phú Thiện), tỉnh Gia Lai.

Cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Anh M thường xuyên cờ bạc, rượu chè và không lo làm ăn để giúp đỡ gia đình. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ cho anh M. Nhưng anh M vẫn không hề thay đổi, cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị ly thân với anh M đã được 05 năm. Từ khi ly thân, một mình chị N đi làm kiếm tiền để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Phùng Văn M.

- Về việc nuôi con chung: Có 03 con chung là Phùng Lê Minh T sinh ngày 04/01/2006; Phùng Lê Minh H , sinh ngày 03/02/2010 và Phùng Lê Minh Q , sinh ngày 09/08/2011. Tuy nhiên, cháu H bị bệnh bẩm sinh nên đã chết lúc cháu được 04 tuổi. Hiện tại chỉ còn 02 cháu. Chị N nguyện vọng nuôi 02 con vì lâu nay chị vẫn một mình nuôi con. Chị không yêu cầu anh Mạnh cấp dưỡng nuôi con chung vì anh M cũng không có khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị.

* Đối với bị đơn anh Phùng Văn M : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh M . Anh M biết rõ việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con chung với chị N. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi hòa giải và tham gia phiên tòa. Các thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tiến hành đầy đủ, đúng thủ tục, các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm thực hiện.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N , xử cho chị Nhâm ly hôn anh M vì mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng.

Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị N . Giao cho chị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Phùng Lê Minh T , ngày 04/01/2006 và Phùng Lê Minh Q , sinh ngày 09/08/2011. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc chị N chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Phùng Văn M . Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại tổ dân phố 13, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Phùng Văn M , vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị

đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị N và anh Phùng Văn M có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2005 tại UBND thị trấn Phú Thiện, huyện AyunPa (nay là huyện Phú Thiện), tỉnh Gia Lai, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh M thường xuyên cờ bạc, rượu chè và không lo làm ăn. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì chị N đã nhiều lần bỏ qua cho anh M nhưng anh M vẫn không hề thay đổi, anh chị đã ly thân 05 năm nay. Qua xác minh tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh M cờ bạc và không có nghề nghiệp.

Đối với anh M mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh M đều không đến. Điều đó chứng tỏ anh M không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con cho tốt.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nham đối với anh M

[3] *Về việc nuôi con chung*:

Xét điều kiện kinh tế và nguyện vọng nuôi con của chị N, nguyện vọng của các con chung thì thấy rằng con chung đã được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm điều kiện mọi mặt. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cho chị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là Phùng Lê Minh T, ngày 04/01/2006 và Phùng Lê Minh Q, sinh ngày 09/08/2011. Anh Mạnh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

* Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn với anh Phùng Văn M.

*** Về việc nuôi con chung:**

Giao cho chị Lê Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là: Phùng Lê Minh T, ngày 04/01/2006 và Phùng Lê Minh Q, sinh ngày 09/08/2011. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị N tính từ hôm nay (26/6/2020) cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007366 ngày 24/3/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

Chị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/6/2020. Anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND huyện Phú Thiện
- THADS huyện Phú Thiện
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

Ksor H'Duen

